

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

--- *** ---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----***-----**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ

Ngày 07/02/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2017/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2017, về việc: *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 05/01/2018 và quyết Định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn 4, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Chu Thị H; nơi cư trú cuối cùng: Thôn 4, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (đã có Quyết định tuyên bố mất tích); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày có nội dung như sau:

Ông Trần Văn H và bà Chu Thị H là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/01/1996. Quá trình sống chung có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997, Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 và Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến đầu năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vì vậy, cuộc sống vợ

chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Đến tháng 11/2009 bà H tự ý bỏ nhà đi mang theo cháu L, sinh năm 2007, ông H đã yêu cầu Tòa án huyện Ea Kar tuyên bố bà H mất tích và hiện đã có quyết định tuyên bố một người đã mất tích số 03/2017/QĐDS – ST ngày 31/8/2017, sau khi Tòa án tuyên bố bà H mất tích đến nay thì ông H cũng không có tin tức gì về bà H.

Do đó, nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn bà H.

Về con chung: Khi bà H bỏ nhà ra đi đã mang theo con chung là Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007, nay để đảm bảo quyền lợi cho con chung ông H cũng đồng ý giao con chung Trần Phương L cho bà Chu Thị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với con chung Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H, ông H được ly hôn bà Chu Thị H.

Về con chung: Giao con chung là Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Giao con chung Trần Thị Chinh, sinh ngày 09/4/2000 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Con chung Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997 đã thành niên nên không đặt ra để giải quyết.

Ông Trần Văn H và Chu Thị H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Chu Thị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/01/1996 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác bên ngoài, nên cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được. Đến tháng 11/2009 bà H tự ý bỏ nhà đi mang theo cháu L, sinh năm 2007 đến nay không có tin tức gì nên ông H đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tuyên bố bà Chu Thị H mất tích. Tại quyết định tuyên bố một người đã mất tích số 03/2017/QDDS – ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tuyên bố bà Chu Thị H mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bà Chu Thị H đã mất tích nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng ông Trần Văn H và bà Chu Thị H có 03 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997, Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 và Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007.

Khi bà H bỏ nhà ra đi đã mang theo con chung là Trần Phương L, nay ông H cũng đồng ý giao con chung Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Đối với con chung Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997 đã thành niên nên ông H không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Hiện tại con chung Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 đang sống với ông H, vì vậy ông H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 cho đến tuổi thành niên là phù hợp.

Ông Trần Văn H và Chu Thị H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 220 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 39 và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H xin ly hôn bà Chu Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H được ly hôn bà Chu Thị H.

Về con chung: Giao con chung là Trần Phương L, sinh ngày 14/01/2007 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Giao con chung Trần Thị C, sinh ngày 09/4/2000 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Con chung Trần Văn H, sinh ngày 10/11/1997 đã thành niên nên không đặt ra đề giải quyết.

Ông Trần Văn H và Chu Thị H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003152 ngày 08 tháng 11 năm 2017.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện Eakar;
- UBND xã Ô;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh

